

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN ĐỘNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 743 /UBND-VX

Sơn Động, ngày 07 tháng 6 năm 2019

V/v tham mưu xây dựng báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng đầu năm 2019

Kính gửi:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Hội Người cao tuổi huyện.

Thực hiện Công văn số 1239/CV-BCT ngày 06/6/2019 của Ban công tác Người cao tuổi tỉnh Bắc Giang về việc báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng đầu năm 2019, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến như sau:

Giao Phòng Lao động - TB&XH chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội Người cao tuổi huyện và các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng đầu năm 2019; kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân tồn tại, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công và tổng hợp số liệu người cao tuổi trên địa bàn huyện theo yêu cầu tại Công văn số 1239/CV-BCT ngày 06/6/2019 của Ban công tác Người cao tuổi tỉnh.

Kết quả báo cáo Sở Lao động - TB&XH tỉnh trước ngày 15/6/2019 theo đúng thời gian quy định./.

*(Gửi kèm theo Công văn số 1239/CV-BCT ngày 06/6/2019 của Ban công tác Người cao tuổi tỉnh)*

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH.

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Tiên Dũng



**UBND TỈNH BẮC GIANG  
BAN CÔNG TÁC NGƯỜI CAO TUỔI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1239 /CV-BCT  
V/v báo cáo công tác người cao tuổi  
6 tháng đầu năm 2019

Bắc Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2019

Kính gửi:

- Các thành viên Ban công tác người cao tuổi tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện công văn số 05/UBQGNCT-VP ngày 03/6/2019 của Ủy ban Quốc gia về Người cao tuổi Việt Nam về việc báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2019.

Thường trực Ban công tác người cao tuổi tỉnh (Sở Lao động - TB&XH) đề nghị:

- Các thành viên Ban công tác Người cao tuổi báo cáo kết quả hoạt động về công tác người cao tuổi của ngành, đơn vị mình.
- UBND các huyện, thành phố báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2019; kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân tồn tại, giải pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công và tổng hợp số liệu NCT trên địa bàn (Theo biểu mẫu đính kèm công văn).

Báo cáo gửi về Sở Lao động - TB&XH trước ngày 15/6/2019 để cơ quan Thường trực tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Ủy ban Quốc gia người cao tuổi Việt Nam. / *ms*

**Nơi nhận:**

- Lưu: VT, BCT.

**Bản điện tử:**

- Như trên;

- Phòng LĐTB&XH các huyện, TP.

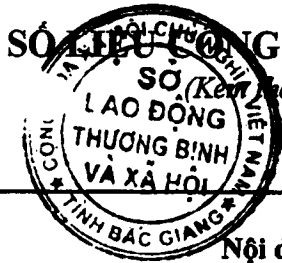
**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - TB&XH  
Trương Đức Huấn**

## BÁO CÁO

### SỐ LIỆU CÔNG TÁC NGƯỜI CAO TUỔI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019



(Kèm theo Báo cáo số 126/BC-BCTNCT ngày 06/6/2019 của Ban công tác người cao tuổi tỉnh Bắc Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		Tổng
			Nam	Nữ	
<b>I</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>				
1.1	Tổng dân số trung bình	Người			
1.2	Tổng số hộ dân	Hộ	X	X	
1.3	Số hộ có NCT (có từ 01 NCT trở lên)	Hộ	X	X	
	Trong đó số hộ hiện chỉ có NCT (sống một mình hoặc chỉ có NCT sống với nhau)	Hộ	X	X	
1.4	Tổng số NCT (từ 60 tuổi trở lên)	Người			
1.5	Trong đó số người từ đủ 80 tuổi trở lên	Người			
1.6	Số NCT thuộc hộ nghèo	Người			
1.7	Số NCT thuộc hộ cận nghèo	Người			
1.8	Số NCT là người dân tộc thiểu số	Người			
1.9	Số NCT là người khuyết tật (có chứng nhận của cấp có thẩm quyền)	Người			
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu		
<b>II</b>	<b>CHĂM SÓC SỨC KHỎE</b>				
2.1	Số NCT có thẻ bảo hiểm y tế (BHYT)	Người			
2.1.1	Trong đó: + BHYT được cấp	Người			
2.2.2	+ BHYT tự nguyện (tự mua hoặc được hỗ trợ)	Người			
2.2	Số nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa	Người			
2.3	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người			
2.4	Số NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người			
2.5	Số NCT được phổ biến kiến thức về chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT)	Người			
2.6	Tổng kinh phí thực hiện chăm sóc sức khỏe cho NCT tại cộng đồng (Theo Thông tư số 35/2011/TT-BYT và Thông tư số 21/2011/TT-BTC)		1000đ		
<b>III</b>	<b>CHĂM SÓC VẬT CHẤT, BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ NCT</b>				
3.1	Số NCT đang hưởng trợ cấp người có công với cách mạng (hàng tháng)	Người			
3.2	Số NCT đang hưởng lương hưu	Người			
3.3	Số NCT đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH) hàng tháng	Người			
3.4	Số NCT đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Luật NCT	Người			

3.4.1	Trong đó: NCT từ 60 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng	Người
3.4.2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng	Người
3.5	Số NCT đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội (BTXH)	Người
3.5.1	Trong đó, số NCT được nhận chăm sóc tại cộng đồng	Người
3.6	Số NCT hưởng trợ cấp hàng tháng theo Luật Người khuyết tật	Người
3.7	Số cơ sở BTXH công lập có nuôi dưỡng NCD	Cơ sở
3.8	Số NCT đang được nuôi dưỡng trong cơ sở BTXH công lập	Người
3.9	Số cơ sở nuôi dưỡng NCT dân lập	Cơ sở
3.10	Số NCT được nuôi dưỡng trong cơ sở dân lập	Người
3.11	Số NCT đang phải sống trong nhà tạm, nhà dột nát	Người
IV	<b>CHĂM SÓC TINH THẬN ĐỐI VỚI NCT</b>	
4.1	Tổng số Câu lạc bộ các loại của NCT (được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập)	CLB
4.2	Số NCT tham gia các CLB	Người
4.3	Số xã/phường/TT có CLB Liên thế hệ Tự giúp nhau hoặc các mô hình CLB tương tự (vừa chăm sóc vừa phát huy, nhiều mảng hoạt động)	Xã/Ph/TT
4.4	Số NCT được chúc thọ, mừng thọ theo quy định	Người
4.5	Số lượt NCT được thăm hỏi, tặng quà (dịp lễ, tết hoặc khi ốm đau,...)	Lượt người
4.6	Số vụ vi phạm các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NCT	Vụ
4.7	Số vụ vi phạm đã được xử lý	Vụ
V	<b>PHÁT HUY VAI TRÒ NCT</b>	
5.1	Số NCT tham gia hoạt động kinh tế, tạo thu nhập	Người
5.2	Số NCT được hỗ trợ trong hoạt động kinh tế	Người
5.2.1	Trong đó: + Số NCT được hỗ trợ vay vốn sản xuất	Người
5.2.2	+ Số NCT được hỗ trợ hướng dẫn cách làm ăn, phương tiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...	Người
5.3	Số NCT là chủ trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh, chủ hộ kinh doanh cá thể tại địa phương (có đăng ký kinh doanh, có giấy phép)	Người
5.4	Số NCT tham gia công tác xã hội (công tác Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể, các tổ/ban hòa giải, thanh tra, an ninh, xây dựng nông thôn mới...)	Người
VI	<b>CÁC LOẠI QUỸ ĐỐI VỚI NCT</b>	
6.1	Tổng số tiền huy động trong năm Quỹ Hội của NCT (do NCT đóng góp)	1000đ
6.2	Số xã/phường/thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT (Quỹ CSPHVNCT)	Xã/Ph/TT
6.3	Số tiền Quỹ CSPHVNCT được huy động trong năm	1000đ
6.4	Số tiền Quỹ CSPHVNCT đã chi trong năm	1000đ
6.5	Số tiền Quỹ CSPHVNCT dư cuối kỳ	1000đ

<b>VII</b>	<b>HỘI NGƯỜI CAO TUỔI</b>		
7.1	Số huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/TP thành lập Hội NCT	Huyện	x
7.2	Số xã, phường, thị trấn thành lập Hội NCT	Xã/Ph/TT	x
7.3	Tổng số hội viên Hội NCT	Người	
7.4	Trong đó số hội viên từ 60 tuổi trở lên	Người	
<b>VIII</b>	<b>NỘI DUNG KHÁC</b>		
8.1	Số buổi tập huấn về công tác NCT	Buổi	
8.2	Số cán bộ được tập huấn về công tác NCT trong năm	Người	